

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAM LÂM  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 19/2022/HSST  
Ngày 11 tháng 8 năm 2022*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Lai

Ông Võ Thu

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Trần Danh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2022/HSST ngày 05/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/HSST-QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

**BÙI ĐỨC TR** - sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở: thôn TH 1, xã CHB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức Đ - sinh năm 1950 và bà Trần Thị Ph - sinh năm 1954; Vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

**\* Bị hại:**

1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn TSD, xã CTB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

2. Bà Phan Thị Kim Ph, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn TSD, xã CTB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

3. Ông Phạm Đức Th, sinh năm 1953

Địa chỉ: thôn PB 2, xã CT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Mai A, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn PB 1, xã CT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

**\* Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn PB 1, xã CT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).
2. Ông Trần Công H, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn PB1, xã CT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. ( Vắng mặt).
3. Ông Phạm Văn Th, sinh năm: 1965; nơi cư trú: tổ dân phố YH 1, thị trấn CĐ, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).
4. Ông Trần Đ, sinh năm: 1970; nơi cư trú: tổ dân phố NT, thị trấn CĐ, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008, Bùi Đức Tr được nhận vào làm công việc kế toán tại Công ty TNHH dịch vụ đo đạc Cường Phát ở thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, đến tháng 02/2014 thì Tr nghỉ việc. Do nợ nần và cần tiền để trả nợ nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 4/2014, Tr đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Mai A, anh Trần Văn D và ông Phạm Đức Th, cụ thể như sau:

Do có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất mà chị Nguyễn Thị Mai A mua trước đây từ bà nội là Võ Thị Ng ở thôn Phú Bình 2, xã Cam Tân, huyện Cam Lâm nên khi nghe người quen giới thiệu Bùi Đức Tr có khả năng làm giúp được các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị A đã liên hệ với Tr. Vì đang cần tiền để trả nợ nên khi nghe chị A đặt vấn đề, Tr đã nhận lời và hứa sẽ làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị A trong thời hạn 45 ngày, với giá tiền là 4.000.000 đồng. Ngày 24/3/2013, Tr đến nhà chị A mang theo hợp đồng Trích đo thửa đất của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Cường Phát để ký kết với chị A. Tr nhận của chị A số tiền tạm ứng là 2.000.000 đồng và hứa sau khi bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị A, Tr sẽ nhận số tiền còn lại. Tuy nhiên, Tr không thực hiện việc làm thủ tục đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã cam kết mà dùng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng tháng 4/2013, do là bạn bè và tin tưởng nhau nên anh Trần Văn D đã nhờ Bùi Đức Tr tìm mua giúp mình 01 thửa đất tại khu vực thị trấn Cam Đức để xây nhà ở. Do đang gặp khó khăn về kinh tế nên khi nghe anh D hỏi, Tr đã nói dối với anh D là Tr cùng với ông Phạm Văn Th (nguyên giám đốc Công ty TNHH dịch vụ đo đạc Cường Phát) có mua chung 01 thửa đất diện tích 150m<sup>2</sup> (ngang 05m, dài 30m) ở gần trường THCS Quang Trung thuộc thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, nếu anh D thích mua thì Tr sẽ bán lại với giá 160.000.000 đồng. Nghe vậy, anh D nhờ Tr dẫn đi xem thửa đất và đồng ý mua với số tiền trên. Tr yêu cầu anh D đưa trước 100.000.000 đồng để đặt cọc. Anh D tin tưởng đã giao tiền cho Tr. Sau khi nhận tiền từ anh D, Tr đã trả nợ và tiêu xài cá nhân. Sau đó, Tr báo lại với anh D là ông Th không đồng ý bán thửa đất trên nên Tr giới thiệu cho anh D liên hệ mua thửa đất có diện tích 300m<sup>2</sup> (ngang 10m, dài 30m) của ông Trần Đ ở tổ dân phố Nghĩa Trung, thị trấn Cam Đức với giá 270.000.000 đồng. Tr tiếp tục yêu cầu anh D đưa thêm cho mình số tiền 111.000.000 đồng để đặt cọc mua thửa đất. Sau khi nhận

111.000.000 đồng của anh D, Tr không liên hệ với ông Đ để đặt cọc tiền mua đất mà sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng tháng 4/2014 trong một lần nhậu với ông Phạm Đức Th, Bùi Đức Tr giới thiệu mình có khả năng làm giúp các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đang có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 01 thửa đất tại thôn Phú Bình 1, xã Cam Tân, huyện Cam Lâm nên ông Th đã liên hệ nhờ Tr làm giúp. Qua thông tin ông Th cung cấp về thửa đất, mặc dù biết không có khả năng làm giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vì đang cần tiền để trả nợ, Tr đã nhận lời và hứa sẽ làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th với giá 30.000.000 đồng. Ông Th tin tưởng và giao đủ số tiền 30.000.000 đồng cho Tr. Sau khi nhận tiền, Tr không thực hiện việc làm thủ tục đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã cam kết mà sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày hẹn nhưng không thấy Tr thực hiện cam kết của mình, chị A, anh D và ông Th đã liên hệ để yêu cầu Tr trả lại tiền. Tr nhiều lần hứa hẹn sẽ trả tiền nhưng sau đó đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 15/01/2015, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cam Lâm đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và quyết định truy nã đối với Bùi Đức Tr về hành vi chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của ông Phạm Đức Th. Đến ngày 17/01/2022 thì Tr ra đầu thú. Tại cơ quan Công an, Bùi Đức Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên.

Cáo trạng số 12/CT-VKSCL ngày 29/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Bùi Đức Tr về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh như bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Bùi Đức Tr; Xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù.

Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Mai A đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và Tr đã bồi thường dân sự cho chị A nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cam Lâm không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Đức Tr đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Mai A; bồi thường số tiền 211.000.000 đồng cho anh Trần Văn D và 30.000.000 đồng cho ông Phạm Đức Th. Chị A, anh D, ông Th chấp nhận mức bồi thường dân sự nêu trên và không còn yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm truy tố.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Trần Văn D, Phan Thị Kim Ph, Phạm Đức Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mai A; người làm chứng Nguyễn Minh C, Trần Công H, Phạm Văn Th, Trần Đ vắng mặt; việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện việc khởi tố, điều tra, truy tố và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị cáo đảm bảo đúng quy định pháp luật, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với cơ quan điều tra, truy tố, điều tra viên, kiểm sát viên.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Đức Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2014, tại địa bàn huyện Cam Lâm, Bùi Đức Tr đã có hành vi gian dối trong việc liên hệ tìm mua đất cho anh Trần Văn D để chiếm đoạt số tiền 211.000.000 đồng và làm giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Đức Th để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng nhằm trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó bản cáo trạng số: 12/CT - VKSCL ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm đã truy tố bị cáo Bùi Đức Tr về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Đức Tr là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù là người từng có công việc làm ổn định nhưng lại thích hưởng thụ, tiêu xài quá đà dẫn đến nợ nần. Tr lợi dụng uy tín của mình từng làm tại Công ty TNHH dịch vụ đo đạc Cường Phát để những người bị hại tin tưởng nhờ Tr làm giao tiền cho Tr chiếm đoạt. Tr thực hiện hành phạm tội nhiều lần với nhiều người bị hại, gây thiệt hại lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét xử phạt bị cáo theo đúng tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường dân sự cho những người bị hại được những người bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với

bị cáo, giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, tự rèn luyện giáo dục bản thân để trở thành người tốt cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Đức Tr đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Mai A; bồi thường số tiền 211.000.000 đồng cho vợ chồng anh Trần Văn D và chị Phan Thị Kim Ph; bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho ông Phạm Đức Th. Chị A, anh D, ông Th chấp nhận mức bồi thường dân sự nêu trên và không còn yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Bùi Đức Tr phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

#### **Tuyên xử:**

- Xử phạt bị cáo Bùi Đức Tr **07 (bảy) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Đức Tr phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận :**

- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND huyện Cam Lâm;
- Công an huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Công Thành**



